

Bản án số: 430/2023/HS - PT

Ngày: 14 - 12 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Bùi Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 415/2023/TLPT-HS ngày 06/11/2023 đối với bị cáo Trần Hùng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Hùng T; giới tính: Nam; sinh năm 1994, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường T, phường N, quận B, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: thợ sửa xe; con ông Trần Văn M1 và bà Trần Thị M2; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/4/2022, Lê Thị Yến N1 mời Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L dự sinh nhật và nhờ Phan Ngọc Q đặt bàn tại quán bar số 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1 để sau khi ăn uống xong Lê Thị Yến N1 sẽ cùng bạn bè và Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L đến quán bar chơi, Phan Ngọc Q đồng ý.

Sau khi ăn uống gần xong, Lê Thị Yến N1 nảy sinh ý định sẽ mời mọi người sử dụng ma túy khi đến quán bar nên điện thoại cho Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2 nhờ mua 15 viên ma túy “thuốc lắc” và 01 hộp 5 gam ma túy “khay” để mọi người cùng sử

dụng. Đỗ Kim N2 gọi điện thoại cho Trần Hùng T hỏi mua số lượng ma túy như đã bàn bạc.

Đến 01 giờ ngày 21/4/2022, Lê Thị Yến N1 cùng Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L đến quán bar 36 Bùi Thị Xuân. Đỗ Kim N2 cho Lê Thị Yến N1 biết tiền ma túy là 9.500.000 đồng, Lê Thị Yến N1 đồng ý nên Đỗ Kim N2 gọi điện thoại để Trần Hùng T giao ma túy. Trần Hùng T điều khiển xe chạy đến khu vực đường Bùi Viện, Quận 1 gặp đối tượng D1 (không rõ lai lịch) mua 15 viên ma túy “thuốc lắc” và 01 hộp 5 gam ma túy “khay” giá 8.300.000 đồng. Sau đó, Trần Hùng T rủ Nguyễn Hạnh D đi cùng Trần Hùng T giao ma túy cho Đỗ Kim N2. Trên đường đi, Trần Hùng T nói cho Nguyễn Hạnh D biết khi đến quán bar, Nguyễn Hạnh D cầm ma túy giao cho Đỗ Kim N2 trong nhà vệ sinh rồi nhận 9.500.000 đồng rồi đi ra ngoài để Trần Hùng T chờ về. Đỗ Kim N2 lấy gói ma túy vừa mua được đưa cho Lê Thị Yến N1. Lê Thị Yến N1 mở gói ma túy, lấy ma túy “thuốc lắc” và ma túy “khay” ra để trên bàn cho mọi người tự lấy sử dụng.

Lê Thị Yến N1, Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L cùng nhau sử dụng hết ma túy tại quán bar đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì Lê Thị Yến N1 thanh toán tiền rồi cùng mọi người ra về. Lê Thị Yến N1 tiếp tục rủ Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L đến căn hộ B20.16 chung cư RiverGate, số 151-155 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4 của Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2 để sử dụng ma túy, Phan Ngọc Q bàn với Đỗ Kim N2 thì Đỗ Kim N2 đồng ý. Sau đó, Lê Thị Yến N1 nhờ Phan Ngọc Q đặt mua ma túy cho mọi người sử dụng tiếp. Phan Ngọc Q nói với Đỗ Kim N2, Đỗ Kim N2 điện thoại cho Trần Hùng T để đặt mua 10 viên ma túy “thuốc lắc” và ½ hộp 5 gam ma túy “khay” đồng thời rủ Trần Hùng T và Nguyễn Hạnh D đến căn hộ của Đỗ Kim N2 để cùng sử dụng ma túy, cả hai đồng ý. Trần Hùng T chở Nguyễn Hạnh D chạy về nhà tại số 21 Nguyễn Thượng Hiền, Quận 3 lấy gói ma túy chứa 10 viên ma túy “thuốc lắc” và ½ hộp 5 gam ma túy “khay” đã mua của đối tượng D1 trước đó rồi chở Nguyễn Hạnh D đến chung cư RiverGate, Quận 4. Trần Hùng T lấy gói ma túy để trên kệ ti vi, Phan Ngọc Q dùng đĩa sứ màu trắng đồ ma túy “khay” và ma túy “thuốc lắc” ra rồi để đĩa ma túy trên kệ tivi cho mọi người tự lấy sử dụng. Lê Thị Yến N1, Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Trần Hùng T, Nguyễn Hạnh D, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L cùng nhau nghe nhạc, sử dụng ma túy cho đến 05 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an Phường 6, Quận 4 kiểm tra hành chính bắt quả tang Lê Thị Yến N1, Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Trần Hùng T, Nguyễn Hạnh D, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L đang sử dụng ma túy, trên kệ ti vi có 01 đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có 05 viên nén màu xanh và bột màu trắng đều là ma túy.

Tại kết luận giám định số 2373/KL-KTHS ngày 29/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: Bột màu trắng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,3127, loại Ketamine.

Gói 2: 05 viên nén màu xanh đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 2,0742 gam, loại MDMA.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Trần Hùng T 09 năm tù về tội về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Hùng T 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Yến N1, Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2, Nguyễn Hạnh D, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2023, bị cáo Trần Hùng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm, bị cáo Trần Hùng T đã 02 lần mua bán trái phép chất ma túy, cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và căn cứ tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 09 năm tù của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Hùng T không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hùng T trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Căn cứ lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lê Thị Yến N1, Phan Ngọc Q, Đỗ Kim N2 đã thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Vũ Văn Đ, Nguyễn Thị Bạch L, Trần Hùng T, Nguyễn Hạnh D sử dụng thì bị phát hiện quả tang nên đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt với các mức hình phạt đối với từng bị cáo theo bản án số 87/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo nêu trên không kháng cáo, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Trần Hùng T có hành vi 02 lần mua ma túy của đối tượng D1 bán lại cho Đỗ Kim N2 nên phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hùng T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Xét, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt 09 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Hùng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hùng T, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với bị cáo Trần Hùng T như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hùng T 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2022.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)
- TAND Quận 4; (1)
- VKSND Quận 4; (1)

- Công an Quận 4; (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (22). (8)

Trần Minh Châu